

## QUAN NIỆM VỀ BẢN CHẤT “NHÂN HỌC” CỦA VĂN HỌC TRONG CÁC GIÁO TRÌNH LÝ LUẬN VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1960 ĐẾN NAY

NGUYỄN ĐĂNG HAI\*

### TÓM TẮT

*Bài viết này phân tích, đánh giá quá trình vận động, phát triển quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học trong các giáo trình Lý luận văn học Việt Nam từ 1960 đến nay. Giai đoạn từ 1960 đến trước 1986, quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học phụ thuộc vào tính chất giai cấp; từ 1986 đến nay, quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học dần thoát khỏi tính chất giai cấp, ngày càng được các nhà lý luận khẳng định và đề cao trên nhiều phương diện.*

**Từ khóa:** văn học, bản chất nhân học, giáo trình, lý luận văn học.

### ABSTRACT

*The belief of the literature’s “anthropological” essence in Vietnamese literary theory textbooks from 1960 to date*

*This article aimed at analyzing and assessing the developing process of the belief of the literature’s “anthropological” essence in Vietnamese literary theory textbooks from 1960 to date. From 1960 to 1986, this belief depends on the characteristics of classes; however, since 1986, the belief has been parting with these characteristics gradually, and is being confirmed and recognized more and more by theorists on many aspects.*

**Keywords:** literature, anthropological essence, textbook, literary theory.

### 1. Mở đầu

Giáo trình lý luận văn học Việt Nam là một trong ba bộ phận chính thể hiện quan điểm, nhận thức cũng như thành tựu của LLVH Việt Nam. Giáo trình LLVH có một vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên, giáo viên khám phá bản chất, đặc trưng của văn học. *Văn học là nhân học*, như M. Gorki đã nói. Trong nghiên cứu văn học, khái niệm “nhân học” được M. Gorki sử dụng lần đầu tiên vào năm 1928. Sau đó, trong một bài viết năm 1931, M. Gorki đã đề xuất quan niệm: “*văn học là nhân học*” thay cho các khái

niệm “*văn học quý tộc*”, “*văn học bình dân*”. Đây là một quan niệm mới nhưng phù hợp với đặc trưng bản chất của văn học. Do đó, quan niệm này đã nhanh chóng được sử dụng phổ biến trong các tài liệu nghiên cứu văn học ở Việt Nam nói riêng cũng như các nước trên thế giới nói chung. Vì vậy, tìm hiểu quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học trong các giáo trình LLVH Việt Nam giúp chúng ta hiểu rõ hơn nhận thức, quan niệm về bản chất và đặc trưng văn học của các nhà LLVH Việt Nam. Từ đó, chúng ta có những định hướng, lựa chọn các giá trị nhân văn trong việc biên soạn giáo trình LLVH Việt Nam trong thời gian tới.

\* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học trong các giáo trình LLVH Việt Nam từ những năm 1960 đến nay vận động qua hai giai đoạn chính: giai đoạn từ những năm 1960 đến trước 1986 và giai đoạn từ 1986 đến nay. Mỗi giai đoạn, các nhà lí luận có những quan niệm và cách thể hiện riêng về bản chất “nhân học” của văn học.

## 2. Quan niệm về bản chất “nhân học” trong các giáo trình trước 1986

Trước năm 1986, giáo trình LLVH Việt Nam chỉ có ba bộ chính thức được xuất bản và sử dụng trong các trường đại học, cao đẳng dành cho sinh viên, giáo viên các cấp. Đó là các bộ giáo trình ba tập do Nguyễn Lương Ngọc chủ biên (1958 - 1960), bộ giáo trình bốn tập của Tổ Bộ môn Lí luận Văn học các Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vinh và Đại học Tổng hợp (xuất bản lần đầu năm 1965, tái bản vào năm 1976, 1978) và bộ giáo trình ba tập của nhóm tác giả Nguyễn Lương Ngọc (chủ biên), Lê Bá Hán, Phương Lựu, Bùi Ngọc Trác, Lê Đình Ky, Hà Minh Đức (1980 – 1985). Có thể nói, số lượng giáo trình như vậy là rất ít so với nhu cầu đào tạo, học tập của sinh viên và giáo viên. Về nội dung và hình thức thể hiện, mỗi giáo trình có cách thể hiện riêng nhưng lại khá thống nhất trong quan niệm về đặc trưng, bản chất của văn học. Các nhà lí luận đều xem văn học là “một hình thái ý thức xã hội” có tính Đảng, tính giai cấp sâu sắc. Và ở phần bàn về đối tượng của văn học, tác giả các giáo trình cũng đều cho rằng: “Văn học là nhân học”. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu quan niệm “nhân học”

như một phương tiện biểu đạt, một công cụ chứ chưa thật sự xem đó là đặc trưng, bản chất của văn học. Do đó, các nhà nghiên cứu cũng chưa chú trọng xác lập quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học với tư cách là một phạm trù trong nghiên cứu văn học.

Quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học trong các giáo trình LLVH thường gắn liền với vấn đề tính người (còn gọi nhân tính, tính nhân loại hay tính chủng loại), tính giai cấp. Lí thuyết tính người được hình thành vào thời Khai sáng với những đóng góp quan trọng của Rousseau, Voltaire... Các nhà Khai sáng cho rằng con người sinh ra tự do nhưng ở đâu cũng bị xiềng xích. Do đó, duy trì sự sống của mình là nguyên tắc số một của con người. Điều quan tâm trước hết của con người chính là bản thân nó. Tính người luôn tồn tại cả hai mặt: tốt - xấu, cao thượng - thấp hèn. Hai mặt này thống nhất và đấu tranh lẫn nhau. Theo Trần Đình Sử, tính người là “*nguồn cảm hứng thụ hưởng thẩm mỹ. Tính người là nhân tố làm nên tính cách sống động, là nhân tố của nhân vật điển hình*” [7, tr.86].

Trong các giáo trình LLVH trước 1986, không có bất kì chương, mục riêng nào dành cho vấn đề “nhân học” hay nhân tính trong văn học. Nhưng những quan niệm về tính người vẫn gián tiếp được các tác giả đề cập trong các phần tính giai cấp, tính nhân dân của văn học. Trong nhận thức của các nhà biên soạn giáo trình, con người vốn có tính người nhưng tính người chỉ xuất hiện và tồn tại trong xã hội cộng sản nguyên thủy trước đây và xã hội cộng sản văn minh

sau này. Trong xã hội có giai cấp, tính người được thay thế bởi tính giai cấp, tính người không còn nữa. Để chứng minh cho những quan niệm sai lầm trên, trong các giáo trình, các nhà lí luận thường viện dẫn câu nói của Mao Trạch Đông như một minh chứng: “*Có nhân tính không? Đương nhiên là có, nhưng chỉ có nhân tính cụ thể, không có nhân tính trừu tượng. Trong xã hội có giai cấp, nhân tính phải có tính giai cấp*”. [8, tr.82]

Các nhà lí luận thường đem tính giai cấp thay thế cho nhân tính, chỉ thừa nhận sự khác biệt về mặt giai cấp mà không thừa nhận tính chung về mặt xã hội của con người, tức tính người: “*Cái gọi là “nhân tính”, “nhân ái”, mà thánh hiền của bọn phong kiến đề xướng chẳng qua là tính giai cấp của bọn địa chủ quý tộc được nguy trang che đậy. Cái gọi là “nhân tính”, “nhân đạo” mà bọn học giả tư sản rêu rao thực chất cũng chỉ là tính giai cấp tư bản xa rời quần chúng nhân dân, là chủ nghĩa cá nhân của bọn bóc lột, con buôn, thực dân hoặc đế quốc được trang sức lòe loẹt*” [3, tr.190]. Do đó, các nhà LLVH Việt Nam hiếm khi đề cập vấn đề tính người, tình người hay những thứ tương tự. Bởi, họ quan niệm đó là thuyết tính người tư sản – thuyết tính người trừu tượng, chung chung. Và nếu có ai nói đến thì cũng đều bị xem là cá nhân chủ nghĩa, là suy đồi. Từ đó, xem nhân tính luận của giai cấp tư sản là vô nhân đạo, là phản động và ra sức đấu tranh.

Hệ quả của nó là, một thời gian dài các giáo trình LLVH Việt Nam đã tuyệt

đối hóa sự khác biệt giữa những tư tưởng nhân văn vô sản và tư tưởng nhân văn tư sản. Các giáo trình đã bỏ qua những hạt nhân hợp lí, tiến bộ của tư tưởng nhân văn tư sản. Đồng thời, các giáo trình này cũng có nhiều hạn chế khi lí giải về đối tượng, đặc trưng, bản chất của văn chương. Nhiều nhà lí luận đồng nhất đối tượng của văn học với cuộc đấu tranh giai cấp, đồng nhất con người với con người giai cấp: “*Đối tượng của văn học là con người (hay là cuộc đấu tranh xã hội) mà trong xã hội có giai cấp thì con người và cuộc đấu tranh xã hội luôn luôn có tính giai cấp*” [9, tr.72]. Từ đó, các nhà lí luận có thái độ phủ nhận những mặt tự nhiên, bản năng, cá tính, cá nhân trong mỗi con người. Trong định hướng sáng tác cũng như lí luận, phê bình, chúng ta chỉ cổ vũ các tác phẩm viết về “*những con người trong quần chúng lao động, những người công nhân bình thường đang làm chủ vận mệnh mình, ngày đêm lao động quên mình để xây dựng đất nước*” [9, tr.161]. Điều đó không sai, đặc biệt trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy, nhưng chưa đủ. Chưa đủ vì các bình diện khác, tư cách khác của con người thường bị các nhà văn, nhà lí luận, phê bình phủ nhận, bỏ qua, hoặc nếu được quan tâm thì cũng phải được nhìn theo hệ quy chiếu của các giá trị giai cấp, thống nhất với con người cộng đồng, con người giai cấp. Mỗi con người là một cá nhân mang sự sống. Bên cạnh những cái chung về mặt xã hội, giai cấp, họ còn có những tư tưởng, tình cảm, hành động, dáng hình... riêng. Lev Tolstoi đã từng nhắc nhở mọi người rằng: “*một trong*

*những làm lẫn vĩ đại nhất khi xét đoán về con người là chúng ta hay gọi và xác định người này thông minh, người kia ngu xuẩn, người này tốt, người kia ác, người thì mạnh mẽ, người thì yếu đuối, trong khi con người là tất cả: tất cả các khả năng đó, là cái gì luôn luôn biến đổi”* (dẫn theo [10, tr.62]). Vì vậy, những quan niệm này đã, đang và sẽ làm nghèo nàn, thậm chí làm sai lệch bản chất “nhân học” của văn học nói riêng, bản chất của văn học nói chung. Từ đây, chúng ta thường có thái độ phủ nhận giá trị của các tác phẩm, các nhà văn viết về những “ông hoàng, bà chúa, những kẻ quý tộc, những bọn giàu có”; những “cô”, “cậu”, “chàng”, “nàng”... “Nhân học”, theo các nhà lí luận giai đoạn này, phải là những quần chúng lao động, những người tích cực tham gia cải tạo hiện thực, đấu tranh cách mạng. Viết về quần chúng lao động, *“nhà văn lại phải tập trung khai thác những mặt bản chất, tích cực nhất, anh hùng nhất (...). Cần triệt để phê phán quan niệm sai lầm chỉ miêu tả những nét tầm thường, bản năng, hoặc miêu tả những kiểu người “bình thường”, theo tính chất thống kê trung bình và xem đó là những cái có tính chất quần chúng và tiêu biểu cho quần chúng”* [9, tr.161]. Hệ quả là, con người trong văn học Việt Nam một thời gian dài chỉ toàn những tập thể, những vị “anh hùng”, những “đồng chí”, “có chung một tâm hồn, có chung một khuôn mặt”...

Có nhiều nguyên nhân tạo nên tình trạng đó. Theo chúng tôi, một trong những nguyên nhân đó là truyền thống “văn dĩ tải đạo” của dân tộc. Trong các

chức năng của văn học, các nhà lí luận đặc biệt đề cao chức năng giáo dục, cải tạo “con người mới” của văn học. Vì vậy khi bình giá giá trị của văn học, các nhà lí luận chỉ chăm chú vào nội dung tư tưởng của tác phẩm. Trong mặt tư tưởng, các nhà lí luận lại có biểu hiện tuyệt đối hóa tư tưởng chính trị như tính Đảng, tính giai cấp... của văn học. Do đó, một tác phẩm, một nhà văn, một trào lưu hay khuynh hướng nghệ thuật có giá trị, tiến bộ phải “tốt về chính trị”. Vì quá đề cao giá trị chính trị nên xem nhẹ giá trị nhân văn, giá trị thẩm mỹ của văn học. Cái đẹp thường bị đồng nhất với lí tưởng cách mạng, với đấu tranh giai cấp.

Cùng một hệ hình xã hội nhưng trong nghiên cứu văn học Trung Quốc, vấn đề bản chất “nhân học” của văn học đã được các nhà nghiên cứu Trung Quốc bàn luận sôi nổi trong nhiều thập niên qua, đặc biệt là từ cuối những thập niên 70 của thế kỉ XX. Tiêu biểu như các bài viết của Tiền Cốc Dung, Chu Quang Tiềm, Nghê Bân... “Nhân học” luôn là vấn đề trung tâm, được bàn luận nhiều nhất trong giới nghiên cứu văn học Trung Quốc. Ở Trung Quốc, *“trào lưu bác bỏ tính giai cấp, khẳng định tính người trong văn học lên tiếng”* [7, tr.81] mạnh mẽ. Theo thống kê của Trần Đình Sử, *“toàn Trung Quốc trong năm 1980 có 700 bài, năm 1984 có 500 bài. Cho đến những năm 90 đây vẫn là vấn đề được quan tâm phổ biến và sâu rộng”* [7, tr.81]. Từ thống kê này, chúng ta phần nào nhận thấy được tầm quan trọng của vấn đề. Đồng thời, nó cũng cho chúng ta thấy được sự chậm trễ, tụt hậu của LLVH

nước nhà.

Phải nói rằng, quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học trong các giáo trình LLVH trước Đổi mới lệ thuộc nhiều vào tính chất giai cấp. Các nhà biên soạn giáo trình chỉ thừa nhận sự khác biệt về mặt giai cấp, phủ nhận tính người của con người. Vì vậy, nội hàm và ngoại diên của khái niệm “nhân học” đã bị thu hẹp so với bản chất của khái niệm. Và tất yếu là bản chất “nhân học” của văn học cũng chưa được đề cập trong các giáo trình một cách công khai và toàn diện.

### **3. Quan niệm về bản chất “nhân học” trong các giáo trình từ 1986 đến nay**

Từ sau Đổi mới, ngoài ba bộ giáo trình xuất bản trước 1986, nay không được tái bản, giáo trình LLVH Việt Nam có khoảng 10 bộ được biên soạn và xuất bản trong nước. Tiêu biểu là các bộ giáo trình ba tập do Phương Lựu chủ biên (1986 và 2002), giáo trình do Hà Minh Đức chủ biên (1994, tái bản nhiều lần), bộ giáo trình hai tập do Trần Đình Sử chủ biên (2008), giáo trình của Huỳnh Như Phương (2010), giáo trình của Đỗ Văn Khang (2013)... Các giáo trình LLVH Việt Nam giai đoạn này không chỉ tăng nhanh về số lượng mà còn đa dạng về thể loại, phong phú về nội dung và phương thức thể hiện. Bên cạnh các bộ giáo trình được biên soạn và sử dụng chung cho các trường đại học, cao đẳng trong cả nước, chúng ta còn có các giáo trình được “lưu hành nội bộ”; bên cạnh các giáo trình dành cho sinh viên, cũng có các giáo trình dành riêng cho giáo viên; bên cạnh các giáo trình dành cho sinh viên chính

quy, còn có các giáo trình dành cho sinh viên không chính quy...

Ở mỗi nhà lí luận, mỗi giáo trình, vấn đề bản chất “nhân học” của văn học có sự thể hiện khác nhau. Nhìn một cách bao quát, các giáo trình LLVH Việt Nam ngày nay đã tiếp cận được bản chất “nhân học” của văn học ở nhiều bình diện và cấp độ khác nhau. Những thuộc tính xã hội của con người trong các giáo trình ở giai đoạn trước vẫn tiếp tục được kế thừa, phát triển và bổ sung. Bên cạnh đó, các thuộc tính tự nhiên và văn hóa của con người cũng được chú ý, khẳng định và đề cao. Các giáo trình đặc biệt quan tâm đến con người như một cá thể, một thực thể sống, chứa đựng cả những phần mang tính nhân loại phổ quát.

Được mệnh danh là giáo trình thời kì Đổi mới, giáo trình *Lí luận Văn học* do Phương Lựu chủ biên (1986) lần đầu tiên trực tiếp thể hiện và khẳng định tính người. *Tính người* đã được các tác giả gọi bằng một khái niệm khác là *tính nhân loại*. Tính nhân loại đã được thể hiện trong chương IV – “Tính dân tộc và tính quốc tế của văn nghệ” do Trần Đình Sử viết. Ngay từ những dòng đầu tiên về tính nhân loại của văn nghệ, ông đã khẳng định: “*Lí luận mác xít phủ nhận thuyết tính người chung chung, siêu giai cấp nhưng không phủ nhận tính nhân loại*” [2, tr.141]. Tuy tác giả không nêu ra nhưng *thuyết tính người chung chung, siêu giai cấp* ở đây chính là thuyết tính người của giai cấp tư sản. Điều mà chúng ta vẫn thường thấy trong các giáo trình trước Đổi mới. Khác với các giáo trình giai đoạn trước, lần đầu tiên, một bộ giáo

trình được Hội đồng Thẩm định sách của Bộ Giáo dục giới thiệu làm sách dùng chung cho các trường đại học sư phạm trong cả nước, chính thức khẳng định tính nhân loại của con người, xem đó là “thuộc tính bản chất của xã hội loài người” [2, tr.141]. Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng, tính nhân loại được biểu hiện ở bốn đặc điểm cơ bản, đó là: “a) tính xã hội; b) vai trò của chủ thể cải tạo thế giới và cải tạo bản thân mình, có khả năng vật thể hóa bản chất mình và làm thế giới “người hóa”; c) có khả năng cảm thụ thế giới và bản thân một cách sâu sắc; d) khả năng sáng tạo tổng hợp, sản xuất ra mọi vật theo quy luật của cái đẹp” [2, tr.141].

So với các giáo trình ở giai đoạn trước Đổi mới, vấn đề đấu tranh giai cấp ở các giáo trình giai đoạn này đã lắng xuống. Vì vậy, con người giai cấp cũng không còn là vấn đề trung tâm trong việc bàn luận về bản chất “nhân học” của văn học. Thay vào đó, các thuộc tính, phẩm chất tinh thần của con người như khả năng cảm thụ, khám phá bản thân và thế giới, khả năng sáng tạo... được chú ý và đề cao; con người không chỉ biết khám phá và cảm thụ thế giới bên ngoài mà còn biết khám phá và cảm thụ chính bản thân mình. Do đó, con người cá nhân, cá thể cũng đã được các nhà biên soạn giáo trình quan tâm với một thái độ trân trọng, xem sự phát triển toàn diện của cá nhân là điều kiện cho sự phát triển của mọi người.

Mặc dù còn sơ lược, chung chung nhưng đây là những nhận thức đúng đắn. Nó là sự khai phá bước đầu, có giá trị mở

đường cho sự thay đổi quan niệm về bản chất “nhân học” của văn học trong các giáo trình LLVH Việt Nam. Đồng thời, những nhận thức này cũng phù hợp với quan niệm có tính chất triết học về bản chất con người, kể cả các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx cũng như các nhà triết học tư sản phương Tây. Những quan niệm này càng được củng cố vững chắc hơn bởi kết quả của Đại hội Triết học thế giới lần thứ XVIII (1988) tại Brighton (Anh). Tại Đại hội, hơn 2000 nhà triết học thuộc khắp năm châu đã quy tụ về đây để bàn về chủ đề “Quan niệm về triết học của con người”. Ngoài việc khẳng định các quyền cơ bản và “vĩnh cửu” của con người như “quyền sống”, “quyền tự do”, “quyền mưu cầu hạnh phúc”... các nhà triết học còn thừa nhận và khẳng định tính người của con người. Trong bài tóm tắt kết quả của Đại hội có nhan đề “Triết học và các mệnh lệnh xã hội”, N. Motroshilova đã viết: “Marx đã sử dụng một cách hoàn toàn khẳng định và hoàn toàn xây dựng khái niệm “bản tính con người”, không phải ở đâu hết, mà chính trong bộ “Tư bản”. Ở chúng ta đã xác lập một cách thức nghiên cứu kiên cố về khái niệm bản tính con người của các nhà kinh điển triết học thế giới và các tác giả phương Tây hiện đại kể cả Marx, đã biểu hiện một sự thật hoàn toàn thực tế: tất cả mọi người trên trái đất đều có một số nét chung, một số nhu cầu chung. Bản tính con người không phải không thay đổi. Theo Marx, bản tính đó trải qua sự biến đổi lịch sử, nhưng nó tồn tại, vì con người tồn tại, ngày nay, quan niệm đó hiện thực hơn bao giờ hết” [1, tr.19-20].

Có thể nói, đây là những cơ sở triết học quan trọng cho sự thay đổi căn bản, toàn diện những nhận thức, quan niệm về bản chất “nhân học” trong sáng tác và nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Như vậy, thừa nhận tính người là tiền đề đầu tiên cho sự khẳng định bản chất “nhân học” của văn học. Qua những lập luận trong giáo trình, chúng tôi nhận thấy bản chất “nhân học” của văn học đã gián tiếp được tác giả các giáo trình khẳng định. Bởi, theo các nhà biên soạn giáo trình, con người có tính người. Mà, tính người “*nằm sâu trong bản chất của văn nghệ*” [2, tr.141]. Nên, bản chất của văn nghệ chính là vấn đề con người. Hay nói như M. Gorki, *văn học là nhân học*.

Tuy bản chất “nhân học” của văn học trong LLVH Việt Nam đã được ý thức từ giữa những thập niên 80 của thế kỉ XX, nhưng sự chuyển biến thực sự diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc là từ những năm 90. Sự vận động này sớm được “khởi động” từ các bài viết, sách tham khảo về LLVH của các nhà lí luận hàng đầu Việt Nam như Trần Đình Sử, Phương Lựu, Lê Ngọc Trà, Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương... Chính họ đã góp phần tạo nên những tiền đề lí luận và thực tiễn quan trọng cho sự thay đổi nhận thức về bản chất “nhân học” trong một số giáo trình LLVH Việt Nam. Mọi kinh nghiệm của con người chỉ trở thành ý thức khi nào được đưa vào các khái niệm, phạm trù có trong ngôn ngữ. Nghiên cứu văn học cũng vậy. Tuy vấn đề “nhân học” được đề cập thường xuyên trong các giáo trình LLVH Việt Nam nhưng phải đến giáo trình *Lí luận Văn học* do Trần

Đình Sử chủ biên (2008) mới được nâng lên thành một phạm trù chính thức trong nghiên cứu văn học.

Bộ giáo trình hai tập này được biên soạn theo mô hình và cấu trúc mới, vừa có sự kế thừa những thành tựu của LLVH truyền thống, vừa có sự tiếp nhận những tư tưởng LLVH của nước ngoài. Cho nên, bản chất “nhân học” của văn học đã được các tác giả khẳng định và đề cao ngay từ những “Lời nói đầu” của giáo trình: “*Đặc điểm chủ yếu của giáo trình này là dựa chắc vào cơ sở triết học Marx – Lênin, (...), coi trọng chủ thể và bản chất nhân học của văn học*” [6, tr.7]. Đây là những định hướng quan trọng cho nội dung giáo trình. Do đó, bản chất “nhân học” của văn học đã được các nhà lí luận xếp vào phần “Bản chất và đặc trưng của văn học”. Bản chất “nhân học” được xem là một thành tố cơ bản tạo nên đặc trưng, bản chất của văn học. Đồng thời, nó được nâng lên thành một chương riêng do chính Trần Đình Sử chấp bút. Cùng với sự vận động trong quan niệm mới về văn học, bản chất “nhân học” cũng đã được ông xem xét từ ba thành tố cơ bản của văn học: nhà văn – tác phẩm – bạn đọc.

Như vậy, bản chất “nhân học” của văn học không chỉ được chú ý ở mặt nội dung – tư tưởng của tác phẩm, mà còn quan tâm đến nhà văn, chủ thể sáng tạo và bạn đọc, chủ thể tiếp nhận của văn học. Trong hệ thống trên, tác phẩm văn học là nơi kết tinh bản chất “nhân học” của văn học. Trong tác phẩm, bản chất “nhân học” của văn học được xác lập ngay ở đối tượng riêng, mang tính đặc thù của nó so với các hình thái ý thức xã

hội khác: *“Văn học dựng nên cuộc sống của những cá thể mang sự sống, những cá thể có tư tưởng, tình cảm, hành động, dáng hình... Nói tới văn học là nói tới những con người cá thể, cụ thể”* [6, tr.57]. Đề cập đối tượng chủ yếu của văn học, nếu các giáo trình LLVH truyền thống thường chú ý nhiều đến những hoàn cảnh và thái độ của con người đối với hoàn cảnh, chú ý đến các mối quan hệ xã hội, quan hệ cộng đồng của con người thì Trần Đình Sử lại đặc biệt lưu tâm đến những con người cá thể, cụ thể trong văn học.

Theo đó, ông cho rằng bản chất “nhân học” của văn học là *“khái niệm chỉ sự thể hiện muôn mặt của bản tính con người trong văn học, bao gồm các thuộc tính xã hội, các thuộc tính tự nhiên, các thuộc tính văn hóa”* [6, tr.75]. Bản chất “nhân học” của văn học đã được ông giải quyết dựa trên mối quan hệ giữa văn học với cuộc sống con người. Theo đó, bản chất “nhân học” của văn học được thể hiện ở ba thuộc tính chính: (1) *Các thuộc tính xã hội*; (2) *Các thuộc tính tự nhiên*; và (3) *Các thuộc tính văn hóa*. Những tư tưởng về bản chất “nhân học” trong LLVH truyền thống đã được kế thừa có chọn lọc. Đồng thời, bác bỏ những tư tưởng sai lầm của LLVH truyền thống, bổ sung thêm nhiều tư tưởng tiến bộ của LLVH thế giới. Qua đó, các nhà nghiên cứu đã từng bước hoàn thiện quan niệm về bản chất “nhân học” trong nghiên cứu văn học Việt Nam.

Con đường đúng đắn để tìm hiểu bản chất nhân học của văn học phải xuất phát từ sự thống nhất không tách rời giữa

con người với các thuộc tính xã hội. Bởi, con người luôn gắn liền với quá trình xã hội và cũng không có quá trình xã hội nằm ngoài con người. Bám sát quan điểm mác-xít về tính người, Trần Đình Sử cho rằng: *Tính người là tính xã hội. Nó là thuộc tính phân biệt con người với con vật. Do đó, con người “tất nhiên có các biểu hiện của tính người “muôn thuở” như lòng ham sống, sợ chết, tình yêu nam nữ, tình cha mẹ, tình bạn, tình yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp có lương tâm và lòng trắc ẩn. Nhưng các tình ấy đều chịu sự chi phối của xã hội”* [6, tr.64]. Vì vậy, *“Bản chất nhân học của văn học trước hết được thể hiện ở việc thể hiện tính người tức là nhân tính.”* [6, tr.64].

Bàn về *thuộc tính tự nhiên* của con người, ông cho rằng, tuy con người là một thực thể tự nhiên đã được xã hội hóa nhưng *“luôn mang bản chất tự nhiên như thích cảm đau, thích cường đoạt, hay đố kị, tham sống sợ chết... là những bản năng vốn có ở các động vật. Con người chịu tác động của các quy luật tự nhiên như sinh, lão, bệnh, tử”* [6, tr.64]. Vì vậy, *“Bản chất nhân học của con người còn thể hiện ở việc biểu hiện con người tự nhiên”* [6, tr.64]. Tình yêu, tính dục, vô thức, cá thể, cá nhân, cá tính là những cái tự nhiên và phổ biến của con người. Do đó, nó cũng là những nội dung nhân học cần được biểu hiện trong văn học. Trần Đình Sử viết: *“Đặc sắc nhất của văn học là sự quan tâm tới cá thể, cá tính, cá nhân, quan tâm tới tính cách và số phận của con người. (...) Trong các hình thái ý thức xã hội duy nhất chỉ có văn học là quan tâm tới sinh mệnh cá thể giữa biển*

*đời mệnh mông*” [6, tr.65]. Chúng tôi cho rằng đây là những nhận thức đúng đắn. Nó là sự bổ khuyết cần thiết cho các giáo trình LLVH Việt Nam; là định hướng quan trọng cho hoạt động sáng tác, nghiên cứu văn học; là cơ sở cho chúng ta định giá lại các tác phẩm văn học của dân tộc và nước ngoài. Trong các giáo trình LLVH Việt Nam trước Đổi mới, các nhà lí luận thường có xu hướng phủ nhận mặt cá tính, cá thể, chưa nhìn nhận thấy sự thống nhất hữu cơ giữa cái cá thể và cái đặc thù. Khái niệm cá tính được các nhà triết học xem là phạm trù thế giới quan cơ bản. Do đó, chúng ta càng không thể đồng nhất giữa cái cá thể với cái đặc thù. Đúng như nhà triết học nổi tiếng Tây Đức Ju. Haberssen đã viết: *“Việc quy cái cá thể về cái đặc thù sẽ dẫn tới chỗ xác định con người như là tế bào đặc biệt của cái chỉnh thể xã hội, như là yếu tố phục tùng cơ cấu xã hội đứng trên cá nhân. Trong cái cá thể, những nét không lặp lại của cá nhân, tính tích cực sáng tạo và tính độc lập cá nhân đã được ghi nhận”* [1, tr.14].

Bàn về các thuộc tính văn hóa, Trần Đình Sử viết tiếp *“nội dung nhân học của văn học gắn liền với sự miêu tả thế giới văn hóa: văn hóa cộng đồng, văn hóa ứng xử, văn hóa sáng tạo”* [6, tr.65].

Tương tự, trong giáo trình *Lí luận văn học (Nhập môn)*, nhà lí luận Huỳnh Như Phương cũng cho rằng, bản chất, giá trị của văn chương không phải ở chỗ nhà văn lựa chọn hình tượng thuộc tầng lớp, giai cấp, dân tộc, thời đại nào mà là ở chỗ thái độ, tinh thần của nhà văn về con người. Nhà văn có thực sự xem *“con*

*người là mục đích cao nhất”* hay không? Ông viết: *“Một tác phẩm văn học viết về cuộc sống và con người của dân tộc này có thể làm xúc động công chúng của nhiều dân tộc khác. Một tác phẩm tái hiện thời đại đã xa vẫn có thể lay động tâm tư của con người những thời đại mới. Một tác phẩm thể hiện số phận bi kịch của nhân vật thuộc một tầng lớp cao sang vẫn làm chảy nước mắt những người đọc bình dân...”* [4, tr.34-35].

Tóm lại, văn học lấy đời sống con người, đặc biệt là những con người cá thể làm đối tượng và có sự tham gia tích cực của chủ thể, chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận, nên *“văn học tất yếu mang một phẩm chất gọi là “nhân học”* [6, tr.63]. Trong khuôn khổ hạn hẹp của một giáo trình, đây là những đóng góp quan trọng. Các nhà lí luận đã khẳng định và lí giải một cách khoa học bản chất nhân học của văn học. Bản chất *“nhân học”* là phẩm chất, thành tố cơ bản tạo nên đặc trưng, bản chất của văn học.

Nhìn chung, quan niệm về bản chất *“nhân học”* của văn học gắn liền với vấn đề tính người. Các nhà nghiên cứu sau Đổi mới đều thừa nhận tính người, chống lại quan điểm dung tục phủ nhận tính người. Vì vậy, các giáo trình đều cho rằng bản chất nhân học trước hết thể hiện ở tính người. Nhưng mỗi nhà nghiên cứu lại có những kiến giải riêng, tạo nên những diện mạo khác nhau trong mỗi giáo trình. So với giai đoạn trước Đổi mới, quan niệm về bản chất *“nhân học”* trong LLVH Việt Nam từ sau Đổi mới cũng đã có những thay đổi căn bản. Con người trong văn học được các nhà nghiên

cứu quan niệm và xem xét từ nhiều phía, nhiều chiều kích hơn, không chỉ là con người giai cấp, con người cộng đồng mà còn là những con người cá nhân, cá thể có đời sống tự nhiên, xã hội và văn hóa phong phú, phức tạp. Sự phát triển của chủ nghĩa nhân văn đã và sẽ không ngừng dẫn tới sự công nhận nhân tố con người.

#### 4. Kết luận

Quan niệm về bản chất “nhân học” trong các giáo trình LLVH Việt Nam luôn vận động và biến đổi. Sự vận động

diễn ra theo xu hướng ngày càng tiến gần đến chân lí hơn. Bản chất “nhân học” từ chỗ chưa được xem là phẩm chất, thành tố của văn học đến chỗ được công nhận và đề cao; từ chỗ con người chỉ là một công cụ, con người giai cấp đến con người với tất cả sự phong phú và phức tạp của nó. Tất cả điều đó phản ánh những trăn trở, nỗ lực trong nghiên cứu các vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam. Và, đây cũng là cơ sở cho việc định giá lại giá trị của văn học.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lộc, Ngô Thế Phúc, Nguyễn Như Diễm dịch (1989), *Chủ nghĩa nhân đạo của triết học và triết học của chủ nghĩa nhân đạo*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Phương Lưu (chủ biên), Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà (1986), *Lí luận văn học, tập 1: Nguyên lí tổng quát*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Lương Ngọc chủ biên (1980), *Cơ sở lí luận văn học, tập 1*, Nxb Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Huỳnh Như Phương (2010), *Lí luận văn học (Nhập môn)*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
5. Trần Đình Sử (2002), *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb Giáo dục.
6. Trần Đình Sử chủ biên (2008), *Giáo trình lí luận văn học, tập 1: Bản chất và đặc trưng văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Trần Đình Sử (2012), *Một nền lí luận văn học hiện đại (nhìn qua thực tiễn Trung Quốc)*, Nxb Đại học Sư phạm.
8. Tổ Bộ môn Lí luận Văn học các Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vinh và Đại học Tổng hợp (1976), *Cơ sở lí luận văn học, tập 1: Phần nguyên lí chung*, Nxb Giáo dục.
9. Tổ Bộ môn Lí luận Văn học các Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vinh và Đại học Tổng hợp (1978), *Cơ sở lí luận văn học, tập 1: Phần nguyên lí chung*, Nxb Giáo dục.
10. Lê Ngọc Trà (1990), *Lí luận và văn học*, Nxb Trẻ.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 11-11-2013; ngày chấp nhận đăng: 19-02-2014)